MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI GIỮA HỌC KÌ I LỚP 4	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	23
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	24
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	25
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	27
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	28
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	30
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	32
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	34

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Giá trị của chữ số 5 trong số 154 384 679 là

A. 5. **B.** 500 000 000. **C.** 5 000 000. **D.** 50 000 000.

Câu 2. Làm tròn số 9 815 486 đến hàng trăm nghìn ta được số nào?

A. 9 900 000. **B.** 9 800 000. **C.** 100 000 000. **D.** 9 820 000.

Câu 3. Lễ kỉ niệm 600 năm ngày sinh của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi được tổ chức vào năm 1980. Hỏi anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi được sinh ra vào thế kỉ nào?

A. XIII. **B.** XIV. **C.** XIX. **D.** XX.

Câu 4. Quan sát các hình tam giác ở bên và cho biết hình tam giác nào chứa cả 3 góc nhọn?

A. Hình tam giác ABC.

B. Hình tam giác MNP.

C. Hình tam giác EFG.

D. Hình tam giác RHQ.

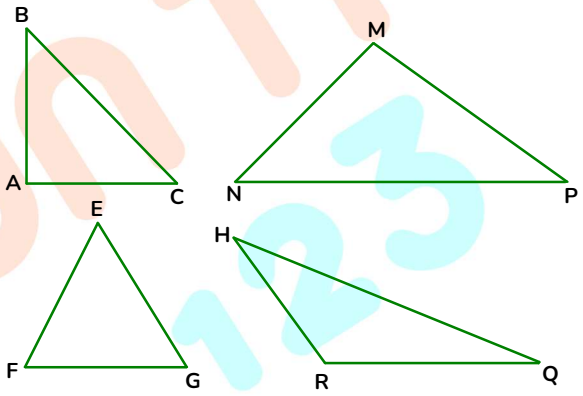

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 36 tấn 6kg = ... kg.

Câu 6. Số nào lớn nhất trong các số 320 676 934 ; 320 656 987 ; 87 654 299 ; 320 437 101?

A. 320 676 934. **B.** 320 656 987. **C.** 87 654 299. **D.** 320 437 101.

Câu 7. Trong hình vẽ bên có tất cả bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau?

A. 7 cặp. **B.** 8 cặp.

C. 9 cặp. **D.** 10 cặp.

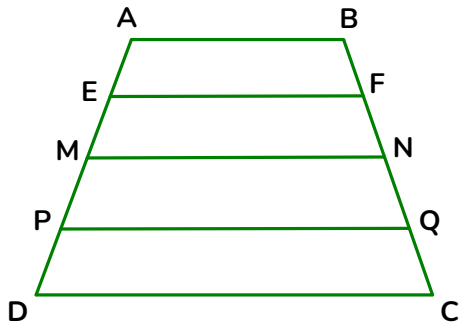

Câu 8. Tìm trung bình cộng của các số chẵn có một chữ số.

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) 132 456 + 584 639; b) 686 370 – 94 869.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 40 450 + 19 999 + 59 550 – 9999; b) 187 652 + (95 000 – 87 652).

Bài 3. Hồng Xiêm có 5 hộp kẹo như nhau, đựng tất cả 125 cái. Hồng Xiêm cho các bạn hết 3 hộp kẹo. Hỏi Hồng Xiêm còn lại bao nhiêu cái kẹo?

Bài 4. Trên bảng điện tử chạy liên tiếp dòng chữ:

"MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11...".

Hỏi kí tự thứ 2024 là chữ hay số nào?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Dụng cụ nào sau đây dùng để đo góc?

A

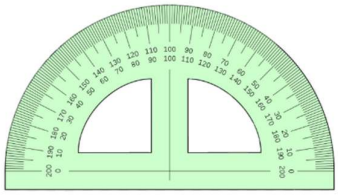

B

C

D

Câu 2. Trong số 8 888 884, chữ số 8 ở hàng nào có giá trị gấp 2000 lần giá trị của chữ số 4?

A. Hàng trăm nghìn. **B.** Hàng chục nghìn. **C.** Hàng nghìn. **D.** Hàng trăm.

Câu 3. Làm tròn số 125 462 846 đến hàng trăm nghìn ta được số nào?

A. 125 000 000. **B.** 125 500 000. **C.** 125 460 000. **D.** 125 400 000.

Câu 4. Điền dấu ">; =; <" thích hợp vào chỗ chấm: 12 giây ..... $\frac{1}{4}$ phút.

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Bốn bạn Tùng, Cúc, Trúc, Mai lần lượt cân nặng là 45kg, 38kg, 35kg, 42kg.

Vậy trung bình mỗi bạn cân nặng số yến là: ..... yến.

Câu 6. Điền chữ số thích hợp vào ô trống: 6509 ☐ > 65098.

A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 0.

Câu 7. Trong hình vẽ bên có tất cả bao nhiêu cặp cạnh vuông góc với nhau?

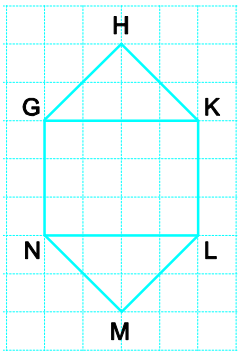

A. 4 cặp.

B. 5 cặp.

C. 6 cặp.

D. 7 cặp.

Câu 8. Cho dãy số sau: 2; 4; 6; 8; 10; 12; ... Trong các số 84; 1010; 2023; 2024, có tất cả bao nhiêu số thuộc dãy số đã cho?

A. 1 số. **B.** 2 số. **C.** 3 số. **D.** 4 số.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) 79 809 + 912 648; b) 959 482 – 564 876.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 11 + 22 + 44 + 66 + 88 + 99; b) (243 150 – 32 567) + (132 567 – 43 150).

Bài 3. Có 2 đoàn xe, đoàn xe thứ nhất chở nhiều hơn đoàn xe thứ hai 60 bao hàng. Đoàn xe thứ nhất có 10 xe, đoàn xe thứ hai có 8 xe. Hỏi đoàn xe thứ hai chở được bao nhiêu bao hàng?

Bài 4. Người ta viết các chữ thành dãy: DAYTOTHOCTOTDAYTOTHOCTOT...
bằng 3 màu xanh, đỏ, tím, mỗi từ một màu (tức là DAY tô màu xanh, sau đó TOT tô màu đỏ, rồi đến HOC tô màu tím ...). Hỏi chữ cái thứ 2024 là màu gì?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số gồm: **32 triệu, 6 trăm nghìn, 5 nghìn, 8 trăm và 9 đơn vị** được viết là: .....

Câu 2. Biết lượng khách du lịch đến Việt Nam năm 2022 là 3 661 500 người. Hãy làm tròn lượng khách đó đến hàng chục nghìn.

A. 3 660 000 người. **B.** 3 670 000 người.

C. 3 700 000 người. **D.** 3 600 000 người.

Câu 3. Năm nay là năm 2023. Tính từ mốc năm 0 đến nay được bao nhiêu thế kỉ và bao nhiêu năm?

A. 20 thế kỉ và 23 năm. **B.** 21 thế kỉ và 23 năm.

C. 19 thế kỉ và 23 năm. **D.** 23 thế kỉ và 20 năm.

Câu 4. Quan sát hình bên và cho biết góc có số đo bé nhất?

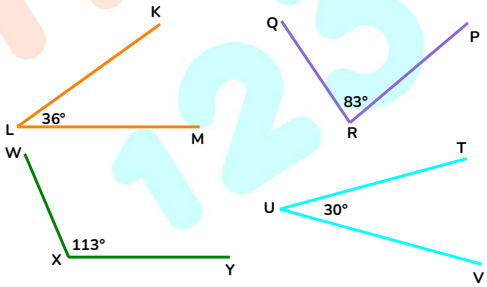

A. Góc đỉnh L; cạnh LK, LM.

B. Góc đỉnh R; cạnh RQ, RP.

C. Góc đỉnh X; cạnh XW, XY.

D. Góc đỉnh U; cạnh UT, UV.

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 52 tạ 8 yến = ... yến.

Câu 6. Hiện nay để giúp giải quyết bài toán ô nhiễm đô thị, ô tô điện đang trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Nhiều quốc gia đang tiến tới việc cấm ô tô sử dụng xăng, dầu. Tính trên toàn thế giới, tổng sản lượng xe ô tô trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019 lần lượt là:

72 105 435 ; 73 456 531 ; 70 498 388 ; 67 149 196.

Hỏi trong các năm trên, thế giới sản xuất được nhiều ô tô nhất vào năm nào?

A. Năm 2016. **B.** Năm 2017. **C.** Năm 2018. **D.** Năm 2019.

Câu 7. Trong hình vẽ bên, cạnh AH vuông góc với những cạnh nào?

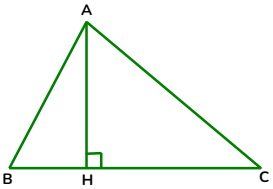

A. BH; CH; AC. **B.** BH; CH; BC.

C. BC; AC; AB. **D.** AB; BH; CH.

Câu 8. Trung bình cộng của các số 16; 22; 25; 34; 38 là

A. 25. **B.** 26. **C.** 27. **D.** 28.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) 392 706 + 508 195; b) 695 872 – 196 373.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 20 400 + 39 495 + 505 + 79 600; b) 200 250 – (800 000 – 799 750).

Bài 3. Cô giáo có 225 viên kẹo chứa đều trong các hộp, cô lấy ra mỗi hộp 8 viên kẹo để chia cho các em học sinh, sau khi chia cô giáo còn lại 153 viên kẹo. Hỏi trước khi chia mỗi hộp có bao nhiêu viên kẹo?

Bài 4. Cho dãy số: 2; 4 ; 6 ; 8 ;.....; 200. Hỏi phải dùng tất cả bao nhiêu chữ số để viết được đủ các số hạng của dãy số đó.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số gồm: hai mươi triệu, tám nghìn, năm trăm và sáu đơn vị được viết là: .....

Câu 2. Trong số 510 306 582, giá trị của chữ số 6 gấp mấy lần giá trị của chữ số 2?

A. 6000. **B.** 3000. **C.** 300. **D.** 3

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Một chiếc xe máy có giá là 19 890 000 đồng. Làm tròn giá tiền của chiếc xe máy đến hàng trăm nghìn ta được: ..... đồng.

Câu 4. Trong các số 123 ; 100 508 ; 24 ; 405 ; 135 798, có tất cả bao nhiêu số chẵn?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 5.

Câu 5. Bác Hồ sinh ngày 19/5/1890. Hỏi Bác Hồ sinh vào thế kỉ nào?

A. XVII. **B.** XVIII. **C.** XIX. **D.** XX.

Câu 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Bạn Nam mỗi giây chạy được 1m.

Vậy trong 1 phút 30 giây bạn ấy chạy được số mét là: .....m.

Câu 7. Bạn Thu nói: "Khi đồng hồ chỉ 9 giờ, thì hai kim đồng hồ tạo với nhau thành một góc bằng 90°." Bạn Thu đã nói đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 8. Viết số thích hợp vào ô trống:

Xếp 12 chiếc vòng như hình dưới đây, Hoa lập được số 312 211 011. Với 12 chiếc vòng, em lập được số bé nhất là số nào?

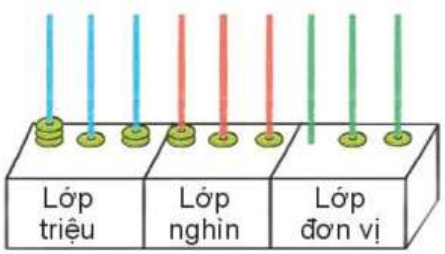

Số lập được là:.....

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2000kg = ... tấn

12 tấn 25 yến = ... yến

5 tạ 2kg = ... kg

b) $500cm^2$ = ...dm^2

$5m^2$ $20dm^2$ = ...dm^2

$15cm^2$ $5mm^2$ = ...mm^2

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $m + n : 5$ với $m = 15000; n = 500$.

b) $p \times 7 + q \times 7$ với $p = 549; q = 451$.

Bài 3. Mẹ có mua 60 quả táo. Mẹ biếu bà ngoại một nửa số táo đó. Mẹ lại dùng $\frac{1}{3}$ số táo còn lại để biếu bác Xuân. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả táo?

Bài 4. Trong một rạp hát, hàng đầu có 18 ghế. Mỗi hàng ghế sau nhiều hơn hàng ghế trước nó một ghế. Nếu rạp hát đó có 10 hàng ghế thì có bao nhiêu chỗ ngồi?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số nào sau đây thoả mãn không chứa chữ số 0 ở lớp đơn vị, chứa chữ số 8 ở lớp triệu?

A. 678 105 206. **B.** 888 235 036. **C.** 801 235 356. **D.** 675 805 469.

Câu 2. Chiến thắng Điện Biên Phủ vào ngày 7 tháng 5 năm 1954. Hỏi Chiến thắng Điện Biên Phủ thuộc thế kỉ nào?

A. XVIII. **B.** XIX. **C.** XX. **D.** XXI.

Câu 3. Số nào dưới đây làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được ba trăm nghìn?

A. 359 112. **B.** 269 112. **C.** 249 000. **D.** 399 456.

Câu 4. Viết tiếp các số lẻ để được 3 số lẻ liên tiếp: ..... ; 125 589 ; .....

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $5m^2\ 25dm^2 = ...dm^2$.

Câu 6. Trên Trái Đất, các nhà khoa học đã nhận biết được 1 770 300 loài sinh vật. Trong đó, có 4200 loài động vật có vú và 9000 loài chim, 5100 loài động vật bò sát, 31 000 loài động vật lưỡng cư, 21 000 loài cá, 1 300 000 loài động vật không có xương sống, 250 000 loài thực vật bậc cao, 150 000 loài thực vật bậc thấp. Hỏi loài sinh vật nào có số lượng nhiều nhất?

A. Động vật bò sát. **B.** Động vật không có xương sống.

C. Thực vật bậc cao. **D.** Thực vật bậc thấp.

Câu 7. Cho hình vẽ bên. Hỏi hình bên có tất cả bao nhiêu góc tù?

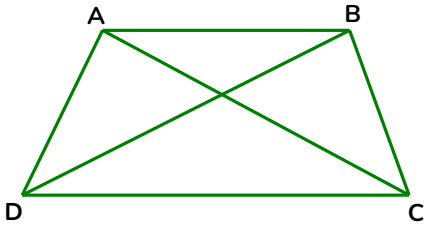

A. 1 góc. **B.** 2 góc.

C. 3 góc. **D.** 4 góc.

Câu 8. Cho vận động viên A chạy 100m trong $\frac{1}{5}$ phút, vận động viên B chạy 100m trong $\frac{1}{4}$ phút. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

A. Vận động viên A chạy nhanh hơn vận động viên B 3 giây.

B. Vận động viên A chạy chậm hơn vận động viên B 3 giây.

C. Vận động viên A chạy nhanh hơn vận động viên B 1 giây.

D. Vận động viên A chạy chậm hơn vận động viên B 1 giây.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) 52 688 + 24 358 b) 98 508 – 88 529 c) 3 098 x 5 d) 36 612 : 9

Bài 2. a) Tính giá trị của biểu thức $72 : (3 - m)$ với m = 0; m = 1; m = 2.

b) Trong ba giá trị của biểu thức tìm được ở câu a), với m bằng bao nhiêu thì biểu thức $72 : (3 - m)$ có giá trị nhỏ nhất.

Bài 3. Có hai thùng đựng thóc, thùng thứ nhất chứa 2 tấn 250kg thóc, thùng thứ hai chứa 750kg thóc. Sau đó người ta chuyển 250kg thóc từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai. Hỏi lúc sau, số thóc trong thùng thứ nhất gấp mấy lần số thóc trong thùng thứ hai?

Bài 4. Quý đố Mão: "Tớ viết lên bảng dãy số sau: 10; 15; 20; 25; 30; ..., sau đó tớ xoá đi số thứ 50 của dãy số đó. Đố bạn tớ đã xoá đi số nào?" Hãy giúp Mão tìm ra số đó.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Chữ số 9 trong số nào dưới đây thuộc hàng chục triệu?

A. 109 005 206. **B.** 89 325 306. **C.** 798 420 135. **D.** 185 905 005.

Câu 2. Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) sinh năm 226. Hỏi bà Triệu sinh vào thế kỉ nào?

A. I. **B.** II. **C.** III. **D.** IV.

Câu 3. Làm tròn số 78 653 148 đến hàng trăm nghìn ta được số nào?

A. 78 700 000. **B.** 78 600 000. **C.** 79 000 000. **D.** 78 650 000.

Câu 4. Từ ba chữ số 3, 6, 5 lập được tất cả bao nhiêu số chẵn có ba chữ số?

A. 1 số. **B.** 2 số. **C.** 3 số. **D.** 4 số.

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 5 tấn 8 yến = ... yến.

Câu 6. Số liệu điều tra dân số của một số nước vào 23/3/2023:

Dân số Việt Nam là 99 494 656 người.

Dân số Liên Bang Nga là 145 677 146 người.

Dân số Hàn Quốc là 51 340 124 người.

Tên các nước có số dân theo thứ tự tăng dần là:

A. Việt Nam, Liên Bang Nga, Hàn Quốc. **B.** Liên Bang Nga, Việt Nam, Hàn Quốc.

C. Liên Bang Nga, Việt Nam, Hàn Quốc. **D.** Hàn Quốc, Việt Nam, Liên Bang Nga.

Câu 7. Cho hình chữ nhật có các kích thước như hình vẽ bên. Hỏi diện tích của hình chữ nhật đó là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

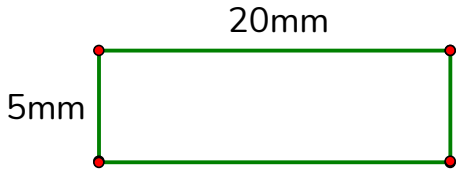

A. 10000cm^2. **B.** 100cm^2.

C. 10cm^2. **D.** 1cm^2.

Câu 8. Quan sát hình vẽ bên và cho biết đường đi về tổ của chú kiến biết đường đi chú chọn có các đoạn đường tạo với nhau thành 2 góc tù.

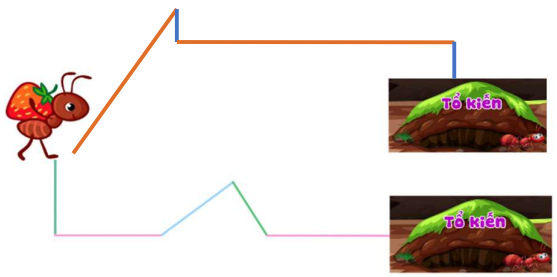

A. Đường ở trên.

B. Đường ở dưới.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Cho hình bên.

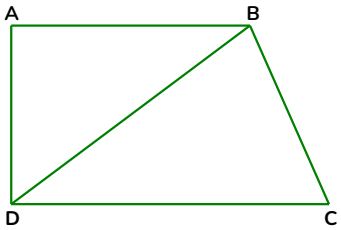

a) Viết tên tất cả các góc vuông có trong hình bên.

b) Viết tên tất cả các góc nhọn có trong hình bên.

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $m - (n - 355)$ với $m = 4200; n = 1555$.

b) $p : 9 \times q$ với $p = 1800; q = 2$.

Bài 3. Sau 8 năm nữa, tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Hỏi sau 8 năm nữa con bao nhiêu tuổi? Biết tuổi mẹ hiện nay nhân với 4 được kết quả là 160 tuổi.

Bài 4. Bạn Tý Quậy nói rằng: Tổng của tất cả các số chẵn có hai chữ số là 2420.

Bạn Tý Quậy nói đúng hay sai?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số lẻ lớn nhất có bốn chữ số khác nhau là

A. 9876. **B.** 9999. **C.** 9875. **D.** 9867.

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $60m^2\ 8dm^2 = ...dm^2$.

Câu 3. Giá trị của biểu thức $9600 : m + n$ với $m = 5, n = 3$.

A. 1200. **B.** 1932. **C.** 1917. **D.** 1923.

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài 20cm và gấp 4 lần chiều rộng. Hỏi diện tích của hình chữ nhật đó là bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

A. $100dm^2$. **B.** $1dm^2$. **C.** $5dm^2$. **D.** $10dm^2$.

Câu 5. Có 546 quả cam đựng đều trong 7 thùng. Hỏi 5 thùng như thế có bao nhiêu quả cam?

A. 400 quả. **B.** 380 quả. **C.** 390 quả. **D.** 410 quả.

Câu 6. Biểu đồ sau cho biết số sản phẩm của bốn tổ sản xuất được trong ba tháng.

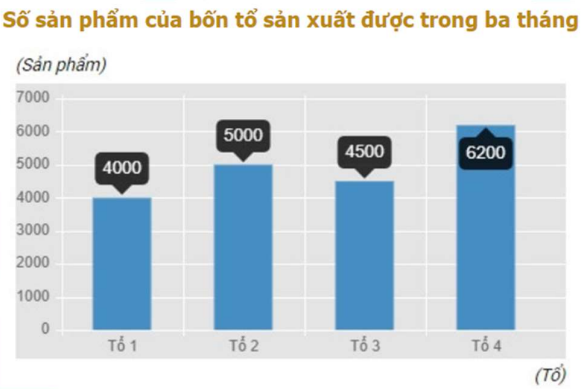

Quan sát biểu đồ trên và cho biết có bao nhiêu tổ sản xuất được trên 4500 sản phẩm?

A. 1 tổ. **B.** 2 tổ. **C.** 3 tổ. **D.** 4 tổ.

Câu 7. Tìm tất cả chữ số x thoả mãn $12\ 234 < \overline{12\ 2x4} < 12\ 265$.

A. $x = 4$. **B.** $x = 4 ; 5$. **C.** $x = 5$. **D.** $x = 4 ; 5 ; 6$.

Câu 8. Sau 3 bài kiểm tra toán đầu tiên, Bình tính điểm trung bình thì được 6 điểm. Hỏi đến bài kiểm tra tiếp theo, Bình phải đạt được điểm mấy để điểm trung bình sau 4 bài kiểm tra là 7 điểm?

A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 10.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Dưới đây là bảng thống kê số học sinh Khối lớp Bốn của một trường tiểu học tham gia nhảy flashmob chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Lớp	4A	4B	4C	4D
Số lượng	10	13	12	9

a) Trong các lớp trên, lớp nào có số học sinh tham gia nhảy flashmob nhiều nhất?

b) Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh tham gia nhảy flashmob?

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 550 + 29 678 – 9678 + 450; b) 86 652 + (9540 – 6652).

Bài 3. Để chào đón "Ngày hội cây xanh", cô giáo đã chia lớp 4A thành 3 tổ để cùng nhau trồng cây. Tổ 1 trồng được 36 cây. Tổ 2 trồng được ít hơn tổ 1 là 10 cây và bằng một nửa số cây tổ ba trồng được. Hỏi lớp 4A đã trồng được tất cả bao nhiêu cây xanh?

Bài 4. Bạn Xoài quay mũi tên và quan sát xem khi dừng lại thì nó chỉ vào ô số mấy. Hỏi khi Xoài quay mũi tên 2 lần thì có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

Trả lời:

.....

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Làm tròn số 78 560 đến hàng nghìn ta được số

A. 80 000. **B.** 78 000. **C.** 79 000. **D.** 78 600.

Câu 2. Điền dấu ">, =, <" thích hợp vào ô trống: 345 + m + 655 ☐ 1000 + m .

Câu 3. Cho 3 chữ số 2 ; 1 ; 3. Tìm số liền sau của số chẵn bé nhất có ba chữ số được lập từ 3 chữ số đã cho.

A. 313. **B.** 132. **C.** 124. **D.** 133.

Câu 4. Giá trị của biểu thức $8016 : p \times 2 + q$ với $p = 3, q = 656$.

A. 6000. **B.** 1992. **C.** 5344. **D.** 5000.

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $2000cm^2$ = ...dm^2.

Câu 6. Có 2 đoàn xe chở dầu: đoàn xe thứ nhất có 5 xe, đoàn xe thứ hai có 8 xe. Đoàn xe thứ nhất chở được 200 thùng dầu. Biết mỗi xe chở số thùng dầu bằng nhau, vậy đoàn xe thứ hai chở được bao nhiêu thùng?

A. 230 thùng. **B.** 125 thùng. **C.** 240 thùng. **D.** 320 thùng.

Câu 7. Quan sát biểu đồ sau. Biết số lượng từng loại huy chương mà đội tuyển Malaysia đạt được trong SEAGAMES 32 nằm trong các số **"45 ; 97 ; 34"**.

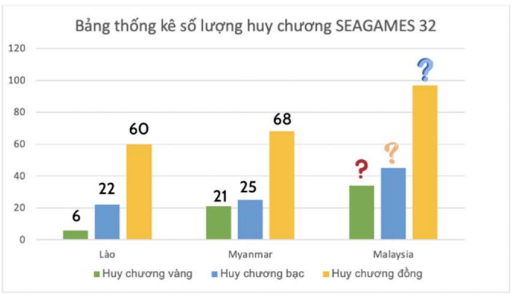

Số lượng huy chương vàng, bạc, đồng mà đội tuyển Malaysia đạt được trong SEAGAMES 32 lần lượt là

A. 45 ; 97 ; 34. **B.** 34 ; 45 ; 97. **C.** 97 ; 45 ; 34. **D.** 34 ; 97 ; 45.

Câu 8. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối 20 lần liên tiếp, quan sát số chấm xuất hiện ở mặt trên và ghi lại kết quả. Ta được bảng sau:

2	4	5	4	6	5	4	5	3	2
3	4	1	1	2	3	5	3	6	5

Hỏi có bao nhiêu lần xuất hiện mặt có nhiều hơn 3 chấm?

A. 12 lần. **B.** 14 lần. **C.** 16 lần. **D.** 11 lần.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Dưới đây là bảng thống kê số cây của một đội trồng rừng trồng được theo từng năm.

Năm	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**
Số cây	5720	5670	5760	6570

Quan sát bảng và cho biết:

a) Năm nào đội trồng rừng trồng được nhiều cây nhất và trồng được nhiều hơn năm trồng ít nhất bao nhiêu cây?

b) Trung bình mỗi năm đội trồng rừng trồng được bao nhiêu cây?

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3549 + 650 + 6451 + 350; b) (45 103 – 5672) + (35 672 – 5103).

Bài 3. Dần có 5 hộp bi như nhau, đựng tất cả 120 viên. Dần cho Mão hết 2 hộp bi. Hỏi Dần còn lại bao nhiêu viên bi?

Bài 4. Mít có 18 bông hoa, Na có 16 bông hoa, Xoài có số hoa bằng trung bình cộng của cả 3 bạn (là Mít, Na và chính Xoài). Hỏi Xoài có bao nhiêu bông hoa?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Làm tròn số 83 560 đến hàng chục nghìn ta được số

A. 90 000. **B.** 80 000. **C.** 84 000. **D.** 83 000.

Câu 2. Hiệu của số chẵn lớn nhất có bốn chữ số và số lẻ bé nhất có bốn chữ số là

A. 8997. **B.** 8999. **C.** 8998. **D.** 8996.

Câu 3. Giá trị của biểu thức $3400 + 600 : m \times n$ với $m = 4, n = 2$.

A. 2000. **B.** 3475. **C.** 3700. **D.** 4600.

Câu 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình chữ nhật có kích thước như hình vẽ bên.

Diện tích của hình chữ nhật đó là: .....m^2.

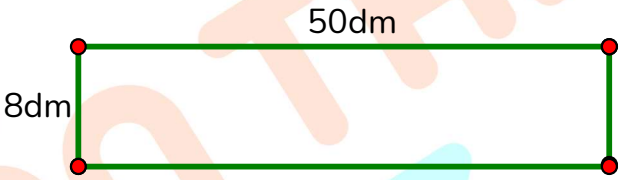

Câu 5. Muốn lát nền 4 căn phòng như nhau cần 2400 viên gạch cùng loại. Để lát nền 6 căn phòng như thế cần bao nhiêu viên gạch loại đó?

A. 4200 viên. **B.** 3000 viên. **C.** 1600 viên. **D.** 3600 viên.

Câu 6. Hai vận động viên bắn cung đang cùng nhau tập bắn. Kết quả của 2 vận động viên sau một số lượt bắn như sau:

Lượt bắn	1	2	3	4	5	6	7	8	9
VĐV 1	9	6	9	10	8	9	9	10	9
VĐV 2	8	9	9	8	7	9	8	8	9

Có bao nhiêu lượt bắn mà tổng số điểm của cả 2 vận động viên là một số chẵn?

A. 3 lượt. **B.** 4 lượt. **C.** 5 lượt. **D.** 6 lượt.

Câu 7. Điền dấu ">, =, <" thích hợp vào ô trống: $\overline{a0345} + \overline{300b}$ ☐ $\overline{a000b} + 4000$.

Câu 8. Quan sát các hình sau:

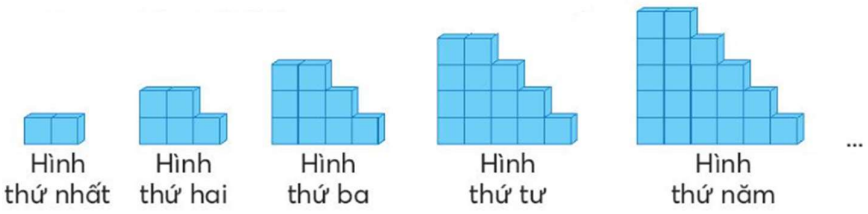

Hình thứ bảy có bao nhiêu khối lập phương?

A. 40 khối. **B.** 35 khối. **C.** 27 khối. **D.** 38 khối.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Biểu đồ dưới đây cho biết tốc độ tối đa của một số loài động vật.

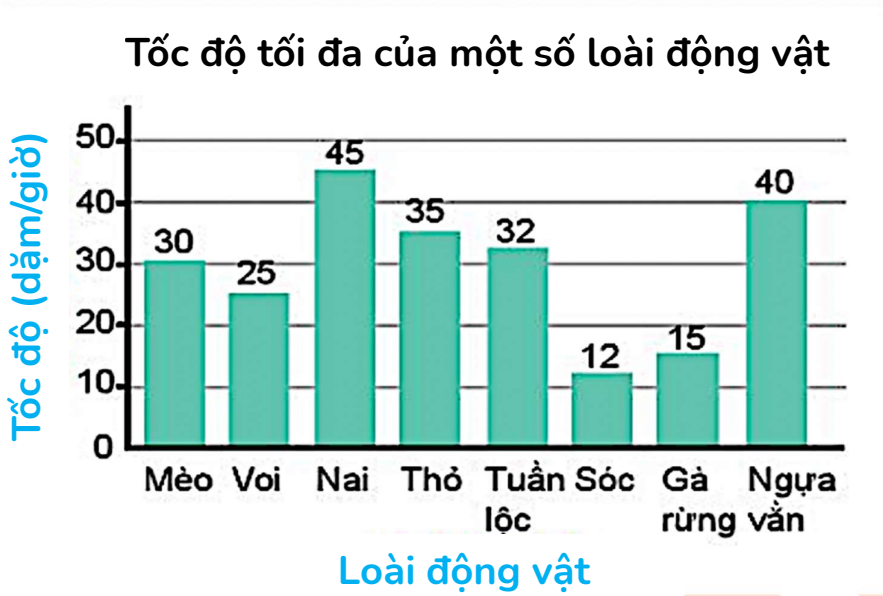

Quan sát biểu đồ và cho biết:

a) Loài nào có tốc độ tối đa lớn nhất và bằng bao nhiêu dặm/giờ?

b) Trung bình tốc độ tối đa của voi, thỏ và sóc là bao nhiêu dặm/giờ?

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 401 + 29 640 + 19 599 + 360; b) 19 855 – (9855 – 5678).

Bài 3. Thùng thứ nhất chứa được 8000 lít nước, thùng thứ hai chứa được nhiều hơn thùng thứ nhất 400 lít nước. Thùng thứ ba chứa được lượng nước bằng $\frac{1}{4}$ lượng nước mà thùng thứ nhất và thùng thứ hai chứa được. Hỏi thùng thứ ba chứa được bao nhiêu lít nước?

Bài 4. Tìm 5 số chẵn liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng bằng 126.

Trả lời: .....

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	B	C	36 006	A	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 132 456 + 584 639; b) 686 370 – 94 869.

Lời giải

a) 132 456 + 584 639 = **717 095.**

b) 686 370 – 94 869 = **591 501.**

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 40 450 + 19 999 + 59 550 – 9999; b) 187 652 + (95 000 – 87 652).

Lời giải

a) 40 450 + 19 999 + 59 550 – 9999 = (40 450 + 59 550) + (19 999 – 9999)
= 100 000 + 10 000
= 110 000.

b) 187 652 + (95 000 – 87 652) = (187 652 – 87 652) + 95 000
= 100 000 + 95 000
= 195 000.

Bài 3. (2 điểm) Hồng Xiêm có 5 hộp kẹo như nhau, đựng tất cả 125 cái. Hồng Xiêm cho các bạn hết 3 hộp kẹo. Hỏi Hồng Xiêm còn lại bao nhiêu cái kẹo?

Lời giải

Mỗi hộp có số cái kẹo là: 125 : 5 = 25 (cái).

Hồng Xiêm đã cho các bạn số cái kẹo là: 25 × 3 = 75 (cái).

Hồng Xiêm còn lại số cái kẹo là: 125 – 75 = 50 (cái).

Đáp số: 50 cái kẹo.

Bài 4. (0,5 điểm) Trên bảng điện tử chạy liên tiếp dòng chữ:

"MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11…".

Hỏi kí tự thứ 2024 là chữ hay số nào?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Kí tự thứ 2024 là chữ E thứ hai (tính từ trái qua phải) của nhóm.

*(Ta thấy 1 nhóm kí tự **"MATHEXPRESS11"** gồm 13 kí tự.*

Ta có: 2024 : 13 = 155 *(dư 9).*

*Vậy ta viết được 155 nhóm kí tự **"MATHEXPRESS11"** và thêm 9 kí tự.*

Do đó, kí tự thứ 2024 là chữ "E" thứ hai (tính từ trái qua phải) *của nhóm.)*

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	<	4	C	C	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 79 809 + 912 648; b) 959 482 – 564 876.

Lời giải

a) 79 809 + 912 648 = **992 457**.

b) 959 482 – 564 876 = **394 606**.

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 11 + 22 + 44 + 66 + 88 + 99; b) (243 150 – 32 567) + (132 567 – 43 150).

Lời giải

a) 11 + 22 + 44 + 66 + 88 + 99 = (11 + 99) + (22 + 88) + (44 + 66)
= 110 + 110 + 110
= 330.

b) (243 150 – 32 567) + (132 567 – 43 150) = (243 150 – 43 150) + (132 567 – 32 567)
= 200 000 + 100 000
= 300 000.

Bài 3. (2 điểm) Có 2 đoàn xe, đoàn xe thứ nhất chở nhiều hơn đoàn xe thứ hai 60 bao hàng. Đoàn xe thứ nhất có 10 xe, đoàn xe thứ hai có 8 xe. Hỏi đoàn xe thứ hai chở được bao nhiêu bao hàng?

Lời giải

Đoàn xe thứ nhất có nhiều hơn đoàn xe thứ hai: 10 – 8 = 2 (xe).

Số bao hàng hóa mỗi xe chở được là: 60 : 2 = 30 (bao).

Số bao hàng hoá đoàn xe thứ hai chở được là: 30 × 8 = 240 (bao).

Đáp số: 240 bao hàng.

Bài 4. (0,5 điểm) Người ta viết các chữ thành dãy: DAYTOTHOCTOTDAYTOTHOCTOT… bằng 3 màu xanh, đỏ, tím, mỗi từ một màu (tức là DAY tô màu xanh, sau đó TOT tô màu đỏ, rồi đến HOC tô màu tím …). Hỏi chữ cái thứ 2024 là màu gì?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Chữ cái thứ 2024 là **màu tím**.

(Mỗi nhóm có 4 từ và 12 chữ cái.

Vì 2024 : 12 = 168 (dư 8) tức là ta viết hết 168 nhóm và thêm 8 chữ của nhóm 169.

- Chữ cái thứ 2024 nằm trong từ thứ ba của nhóm 169.

- Tính đến chữ cái thứ 2024 thì đã viết hết số từ là: 4 x 168 + 3 = 675 (từ).

Vì có 3 màu để tô các từ, mà 675 : 3 = 225. Vậy chữ cái thứ 2024 có màu tím.)

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	32 605 809	A	A	D	528	B	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 392 706 + 508 195; b) 695 872 – 196 373.

Lời giải

a) 392 706 + 508 195 = **900 901.**

b) 695 872 – 196 373 = **499 499.**

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 20 400 + 39 495 + 505 + 79 600; b) 200 250 – (800 000 – 799 750).

Lời giải

a) 20 400 + 39 495 + 505 + 79 600 = (20 400 + 79 600) + (39 495 + 505)
= 100 000 + 40 000
= 140 000.

b) 200 250 – (800 000 – 799 750) = 200 250 – 800 000 + 799 750
= (200 250 + 799 750) – 800 000
= 1 000 000 – 800 000
= 200 000.

Bài 3. (2 điểm) Cô giáo có 225 viên kẹo chứa đều trong các hộp, cô lấy ra mỗi hộp 8 viên kẹo để chia cho các em học sinh, sau khi chia cô giáo còn lại 153 viên kẹo. Hỏi trước khi chia mỗi hộp có bao nhiêu viên kẹo?

Lời giải

Số kẹo cô giáo chia cho các bạn học sinh là: 225 – 153 = 72 (viên).

Số hộp kẹo cô giáo có là: 72 : 8 = 9 (hộp).

Số kẹo của mỗi hộp trước khi chia là: 225 : 9 = 25 (viên).

Đáp số: 25 viên kẹo.

Bài 4. (0,5 điểm) Cho dãy số: 2; 4 ; 6 ; 8 ;.....; 200. Hỏi phải dùng tất cả bao nhiêu chữ số để viết được đủ các số hạng của dãy số đó.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Phải dùng tất cả **247** chữ số để viết được đủ các số hạng của dãy số đã cho.

(Đây là dãy số chẵn liên tiếp nên 2 số liền nhau hơn (kém) nhau 2 đơn vị.

Từ 2 đến 8 có: (8 – 2) : 2 + 1 = 4 (số chẵn có 1 chữ số).

Từ 10 đến 98 có: (98 – 10) : 2 + 1 = 45 (số chẵn có 2 chữ số).

Từ 100 đến 200 có: (200 – 100) : 2 + 1 = 51 (số chẵn có 3 chữ số).

Vậy phải dùng số chữ số để viết các số chẵn từ 2 đến 200 là: 1 × 4 + 2 × 45 + 3 × 51 = 247 (chữ số).)

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	20 008 506	B	19 900 000	C	C	90	A	39

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2000kg = ... tấn
12 tấn 25 yến = ... yến
5 tạ 2kg = ... kg

b) $500cm^2$ = ...dm^2
$5m^2$ $20dm^2$ = ...dm^2
$15cm^2$ $5mm^2$ = ...mm^2

Lời giải

a) 2000kg = 2 tấn
12 tấn 25 yến = 1225 yến
5 tạ 2kg = 502kg

b) $500cm^2$ = $5dm^2$
$5m^2$ $20dm^2$ = $520dm^2$
$15cm^2$ $5mm^2$ = $1505mm^2$

Bài 2. (2,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $m + n : 5$ với $m = 15000; n = 500$.

b) $p \times 7 + q \times 7$ với $p = 549; q = 451$.

Lời giải

a) Thay $m = 15000; n = 500$ vào biểu thức $m + n : 5$ ta được:

$15000 + 500 : 5 = 15000 + 100 = 15100$.

Vậy giá trị của biểu thức $m + n : 5$ với $m = 15000; n = 500$ là 15 100.

b) Thay $p = 549; q = 451$ vào biểu thức $p \times 7 + q \times 7$ ta được:

$549 \times 7 + 451 \times 7 = (549 + 451) \times 7 = 1000 \times 7 = 7000$.

Vậy giá trị của biểu thức $p \times 7 + q \times 7$ với $p = 549; q = 451$ là 7000.

Bài 3. (2,0 điểm) Mẹ có mua 60 quả táo. Mẹ biếu bà ngoại một nửa số táo đó. Mẹ lại dùng $\frac{1}{3}$ số táo còn lại để biếu bác Xuân. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả táo?

Lời giải

Sau khi biếu bà ngoại, mẹ còn lại số quả táo là: 60 : 2 = 30 (quả táo).

Số quả táo mẹ biếu bác Xuân là: 30 : 3 = 10 (quả táo).

Mẹ còn lại số quả táo là: 30 – 10 = 20 (quả táo).

Đáp số: 20 quả táo.

Bài 4. (0,5 điểm) Trong một rạp hát, hàng đầu có 18 ghế. Mỗi hàng ghế sau nhiều hơn hàng ghế trước nó một ghế. Nếu rạp hát đó có 10 hàng ghế thì có bao nhiêu chỗ ngồi?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Nếu rạp hát đó có 10 hàng ghế thì có **225** chỗ ngồi.

(Số ghế trong mỗi hàng tạo thành dãy: 18; 19; 20; 21; 22; 23; 24; 25; 26; 27.

Đây là dãy số cách đều, khoảng cách giữa hai số liền nhau là 1 đơn vị. Có tất cả 10 số hạng.

Có số chỗ ngồi là: (18 + 27) x 10 : 2 = 225.)

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	B	125 587; 125 591	525	B	D	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 52 688 + 24 358 b) 98 508 – 88 529 c) 3 098 x 5 d) 36 612 : 9

Lời giải

a) 52 688 + 24 358 = 77 046 b) 98 508 – 88 529 = 9979

c) 3 098 x 5 = 15 490 d) 36 612 : 9 = 4068

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1,5 điểm) a) Tính giá trị của biểu thức 72 : (3 – m) với m = 0; m = 1; m = 2.

b) Trong ba giá trị của biểu thức tìm được ở câu a), với m bằng bao nhiêu thì biểu thức 72 : (3 – m) có giá trị nhỏ nhất.

Lời giải

a) Thay m = 0 vào biểu thức 72 : (3 – m) ta được: 72 : (3 – 0) = 72 : 3= 24.

Thay m = 1 vào biểu thức 72 : (3 – m) ta được: 72 : (3 – 1) = 72 : 2= 36.

Thay m = 2 vào biểu thức 72 : (3 – m) ta được: 72 : (3 – 2) = 72 : 1= 72.

Vậy giá trị của biểu thức 72 : (3 – m) với m = 0; m = 1; m = 2 lần lượt là: 24; 36; 72.

b) Vì 24 < 36 < 72 nên biểu thức 72 : (3 – m) có giá trị nhỏ nhất là 24 khi m = 0.

Bài 3. (2 điểm) Có hai thùng đựng thóc, thùng thứ nhất chứa 2 tấn 250kg thóc, thùng thứ hai chứa 750kg thóc. Sau đó người ta chuyển 250kg thóc từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai. Hỏi lúc sau, số thóc trong thùng thứ nhất gấp mấy lần số thóc trong thùng thứ hai?

Lời giải

Đổi: 2 tấn 250kg = 2250kg.

Lúc sau, số thóc trong thùng thứ nhất là: 2250 – 250 = 2000 (kg) = 2 tấn.

Lúc sau, số thóc trong thùng thứ hai là: 750 + 250 = 1000 (kg) = 1 tấn.

Lúc sau, số thóc trong thùng thứ nhất gấp số thóc trong thùng thứ hai số lần là: 2 : 1 = 2 (lần).

Đáp số: 2 lần.

Bài 4. (0,5 điểm) Quý đố Mão: "Tớ viết lên bảng dãy số sau: 10; 15; 20; 25; 30; ..., sau đó tớ xoá đi số thứ 50 của dãy số đó. Đố bạn tớ đã xoá đi số nào?" Hãy giúp Mão tìm ra số đó.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số đã xoá là **255**.

(Số thứ n = số đầu + (n – 1) x khoảng cách

Số hạng thứ 50 của dãy số trên là: 10 + (50 – 1) × 5 = 255.)

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	B	508	D	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Cho hình bên.

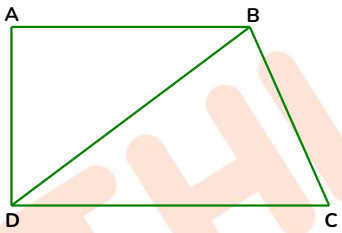

a) Viết tên tất cả các góc vuông có trong hình bên.

b) Viết tên tất cả các góc nhọn có trong hình bên.

Lời giải

a) Các góc vuông có trong hình bên là:

- Góc đỉnh A; cạnh AB, AD.
- Góc đỉnh D; cạnh DA, DC.

b) Các góc nhọn có trong hình bên là:

- Góc đỉnh B; cạnh BA, BD.
- Góc đỉnh D; cạnh DB, DC.
- Góc đỉnh C; cạnh CB, CD.
- Góc đỉnh D; cạnh DA, DB.
- Góc đỉnh B; cạnh BD, BC.

Bài 2. (2 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $m - (n - 355)$ với $m = 4200$; $n = 1555$.

b) $p : 9 \times q$ với $p = 1800$; $q = 2$.

Lời giải

a) Thay $m = 4200$; $n = 1555$ vào biểu thức $m - (n - 355)$ ta được:

$$4200 - (1555 - 355) = 4200 - 1200 = 3000.$$

Vậy giá trị của biểu thức $m - (n - 355)$ với $m = 4200$; $n = 1555$ là 3000.

b) Thay $p = 1800$; $q = 2$ vào biểu thức $p : 9 \times q$ ta được:

$$1800 : 9 \times 2 = 200 \times 2 = 400.$$

Vậy giá trị của biểu thức $p : 9 \times q$ với $p = 1800$; $q = 2$ là 400.

Bài 3. (2 điểm) Sau 8 năm nữa, tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Hỏi sau 8 năm nữa con bao nhiêu tuổi? Biết tuổi mẹ hiện nay nhân với 4 được kết quả là 160 tuổi.

Lời giải

Tuổi mẹ hiện nay là: 160 : 4 = 40 (tuổi).

Tuổi mẹ sau 8 năm nữa là: 40 + 8 = 48 (tuổi).

Tuổi con sau 8 năm nữa là: 48 : 3 = 16 (tuổi).

Đáp số: 16 tuổi.

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Tý Quậy nói rằng: Tổng của tất cả các số chẵn có hai chữ số là 2420. Bạn Tý Quậy nói đúng hay sai?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Bạn Tý Quậy nói **sai**.

(Số chẵn bé nhất có hai chữ số là 10. Số chẵn lớn nhất có hai chữ số là: 98.

- Số các số chẵn có hai chữ số là (98 – 10) : 2 + 1 = 45 (số).

- Tổng các số chẵn có hai chữ số là: (10 + 98) × 45 : 2 = 2430.)

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	6008	D	B	C	B	D	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Dưới đây là bảng thống kê số học sinh Khối lớp Bốn của một trường tiểu học tham gia nhảy flashmob chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Lớp	4A	4B	4C	4D
Số lượng	10	13	12	9

a) Trong các lớp trên, lớp nào có số học sinh tham gia nhảy flashmob nhiều nhất?

b) Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh tham gia nhảy flashmob?

Lời giải

a) Vì 9 < 10 < 12 < 13 nên lớp 4B có số học sinh tham gia nhảy flashmob nhiều nhất.

b) Trung bình mỗi lớp có số học sinh tham gia nhảy flashmob là:

(9 + 10 + 12 + 13) : 4 = 11 (học sinh).

Đáp số: a) Lớp 4B; b) 11 học sinh.

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 550 + 29 678 – 9678 + 450; b) 86 652 + (9540 – 6652).

Lời giải

a) 550 + 29 678 – 9678 + 450 = (550 + 450) + (29 678 – 9678)

= 1000 + 20 000

= 21 000.

b) 86 652 + (9540 – 6652) = (86 652 – 6652) + 9540

= 80 000 + 9540

= 89 540.

Bài 3. (2 điểm) Để chào đón "Ngày hội cây xanh", cô giáo đã chia lớp 4A thành 3 tổ để cùng nhau trồng cây. Tổ 1 trồng được 36 cây. Tổ 2 trồng được ít hơn tổ 1 là 10 cây và bằng một nửa số cây tổ 3 trồng được. Hỏi lớp 4A đã trồng được tất cả bao nhiêu cây xanh?

Lời giải

Số cây tổ 2 trồng được là: 36 – 10 = 26 (cây).

Số cây tổ 3 trồng được là: 26 × 2 = 52 (cây).

Lớp 4A đã trồng được tất cả số cây là: 36 + 26 + 52 = 114 (cây).

Đáp số: 114 cây xanh.

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Xoài quay mũi tên và quan sát xem khi dừng lại thì nó chỉ vào ô số mấy. Hỏi khi Xoài quay mũi tên 2 lần thì có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

Trả lời:

.....

Lời giải

Trả lời: Khi Xoài quay mũi tên 2 lần thì có **36** kết quả có thể xảy ra.

(Khi Xoài quay mũi tên lần 1 có 6 kết quả có thể xảy ra, mũi tên có thể chỉ vào 1 trong 6 ô chứa số: 1; 2; 3; 4; 5; 6.

Khi Xoài quay mũi tên lần 2 có 6 kết quả có thể xảy ra, mũi tên có thể chỉ vào 1 trong 6 ô chứa số: 1; 2; 3; 4; 5; 6.

Vậy khi Xoài quay mũi tên 2 lần thì có số kết quả có thể xảy ra là: 6 × 6 = 36 (kết quả).)

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	=	D	A	20	D	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Dưới đây là bảng thống kê số cây của một đội trồng rừng trồng được theo từng năm.

Năm	2001	2002	2003	2004
Số cây	5720	5670	5760	6570

Quan sát bảng và cho biết:

a) Năm nào đội trồng rừng trồng được nhiều cây nhất và trồng được nhiều hơn năm trồng ít nhất bao nhiêu cây?

b) Trung bình mỗi năm đội trồng rừng trồng được bao nhiêu cây?

Lời giải

a) Quan sát bảng ta thấy:

- Năm 2004 đội trồng rừng trồng được nhiều cây nhất là: 6570 cây.
- Năm 2002 đội trồng rừng trồng được ít cây nhất là: 5670 cây.

Năm 2004 đội trồng rừng trồng được nhiều hơn năm 2002 số cây là:

6570 – 5670 = 900 (cây).

b) Trung bình mỗi năm đội trồng rừng trồng được số cây là:

(5720 + 5670 + 5760 + 6570) : 4 = 5930 (cây).

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3549 + 650 + 6451 + 350; b) (45 103 – 5672) + (35 672 – 5103).

Lời giải

a) 3549 + 650 + 6451 + 350 = (3549 + 6451) + (650 + 350)

= 10 000 + 1000

= 11 000.

b) (45 103 – 5672) + (35 672 – 5103) = (45 103 – 5103) + (35 672 – 5672)

= 40 000 + 30 000

= 70 000.

Bài 3. (2 điểm) Dần có 5 hộp bi như nhau, đựng tất cả 120 viên. Dần cho Mão hết 2 hộp bi. Hỏi Dần còn lại bao nhiêu viên bi?

Lời giải

Mỗi hộp có số viên bi là: 120 : 5 = 24 (viên).

Dần đã cho Mão số viên bi là: 24 × 2 = 48 (viên).

Dần còn lại số viên bi là: 120 – 48 = 72 (viên).

Đáp số: 72 viên bi.

Bài 4. (0,5 điểm) Mít có 18 bông hoa, Na có 16 bông hoa, Xoài có số hoa bằng trung bình cộng của cả 3 bạn (là Mít, Na và chính Xoài). Hỏi Xoài có bao nhiêu bông hoa?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Xoài có số bông hoa là: **17** bông.

(Ta có sơ đồ:

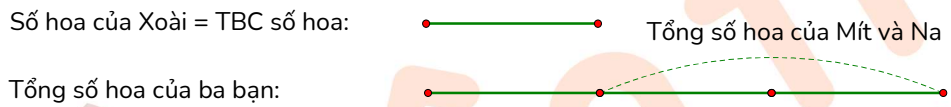

Tổng số hoa của Mít và Na là: 18 + 16 = 34 (bông).

Số hoa của Xoài là: 34 : 2 = 17 (bông).)

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	4	D	C	<	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Biểu đồ dưới đây cho biết tốc độ tối đa của một số loài động vật.

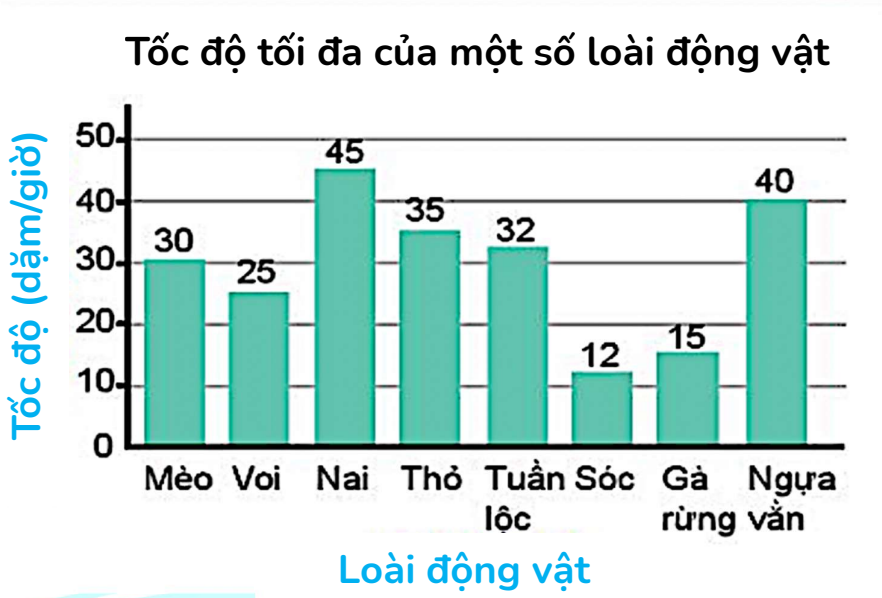

Quan sát biểu đồ và cho biết:

a) Loài nào có tốc độ tối đa lớn nhất và bằng bao nhiêu dặm/giờ?

b) Trung bình tốc độ tối đa của voi, thỏ và sóc là bao nhiêu dặm/giờ?

Lời giải

a) Quan sát biểu đồ ta thấy loài nai có tốc độ tối đa lớn nhất và bằng 45 dặm/giờ.

b) Quan sát biểu đồ ta thấy voi, thỏ và sóc có tốc độ tối đa lần lượt là:

25 dặm/giờ; 35 dặm/giờ; 12 dặm/giờ.

Trung bình tốc độ tối đa của voi, thỏ và sóc là:

(25 + 35 + 12) : 3 = 24 (dặm/giờ).

Đáp số: a) Loài nai: 45 dặm/giờ.

b) 24 dặm/giờ.

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 401 + 29 640 + 19 599 + 360; b) 19 855 – (9855 – 5678).

Lời giải

a) 401 + 29 640 + 19 599 + 360 = (401 + 19 599) + (29 640 + 360)
= 20 000 + 30 000
= 50 000.

b) 19 855 – (9855 – 5678) = 19 855 – 9855 + 5678
= 10 000 + 5678
= 15 678.

Bài 3. (2 điểm) Thùng thứ nhất chứa được 8000 lít nước, thùng thứ hai chứa được nhiều hơn thùng thứ nhất 400 lít nước. Thùng thứ ba chứa được lượng nước bằng $\frac{1}{4}$ lượng nước mà thùng thứ nhất và thùng thứ hai chứa được. Hỏi thùng thứ ba chứa được bao nhiêu lít nước?

Lời giải

Thùng thứ hai chứa được lượng nước là: 8000 + 400 = 8400 (lít).

Thùng thứ hai và thùng thứ nhất chứa được lượng nước là: 8000 + 8400 = 16 400 (lít).

Thùng thứ ba chứa được lượng nước là: 16 400 : 4 = 4100 (lít)

Đáp số: 4100 lít nước.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm 5 số chẵn liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng bằng 126.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: 5 số chẵn liên tiếp cần tìm là: 122 ; 124 ; 126 ; 128 ; 130.

(5 số chẵn liên tiếp có trung bình cộng chính là số ở chính giữa và bằng 126.

Vậy 5 số chẵn liên tiếp cần tìm là 122 ; 124 ; 126 ; 128 ; 130.)